

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lương Minh Côn
2. Bà: Đinh Thị Đức
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 29/2023/TLST - HNGĐ, ngày 21/02/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm M, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Xóm M, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt chị T, vắng mặt anh C)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2010. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017 - 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi cọ nhau còn xảy ra xô xát với nhau. Năm 2019 thì anh C đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Đ, tuy nhiên do tôi đi làm ăn ở Đài Loan nên vụ án không giải quyết nữa. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 tới nay và vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Duy Q, sinh ngày 16/9/2011 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 15/02/2018. Hiện cháu Q đang ở với anh

C và ông bà nội; còn cháu T1 hiện đang sinh sống cùng với tôi tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu T1, tôi nhất trí để anh C nuôi cháu Q. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh C, đồng thời tiến hành xác minh tại gia đình anh C, được ông Nguyễn Văn L và bà Mông Thị N là bố mẹ đẻ của anh C cung cấp thông tin như sau: Anh C hiện tại đang đi làm ăn xa, anh C chỉ thông báo với gia đình là đi làm quặng ở Bắc Kạn, còn địa chỉ cụ thể thế nào thì gia đình chúng tôi không biết. Anh C không chuyển hộ khẩu mà vẫn có hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình chúng tôi đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập tuy nhiên do anh C đi làm ăn nên gia đình đứng ra nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh C.

Về quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C, ông L và bà N cho biết: Gia đình tôi có tổ chức lễ cưới cho anh C và chị T năm 2010, theo phong tục địa phương. Anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Anh C, chị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Về mâu thuẫn vợ chồng là do chị T và anh C không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi cọ. Năm 2019 anh C có làm đơn xin ly hôn một lần nhưng khi đó chị T đang đi làm ăn nên không giải quyết được. Thực tế vợ chồng chị T anh C đã sống ly thân từ 2019 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T xin ly hôn anh C, gia đình không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng anh C, chị T có 02 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 16/9/2011 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 15/02/2018. Hiện cháu Q đang ở cùng gia đình tôi còn cháu T1 đang ở với chị T. Về tài sản của anh C và chị T cũng không có tài sản gì có giá trị.

Vì anh C phải đi làm ăn, không có mặt tại địa phương nên Tòa án gửi các văn bản thì gia đình đã nhận hộ và cam kết giao ngay cho anh C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy Q, sinh ngày 16/9/2011 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung và Nguyễn Duy T1 sinh ngày 15/02/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn C cư trú tại xóm M, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt phía bị đơn là anh C lần thứ hai không có lý do. Đại diện VKS đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện , trước khi kết hôn có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh C có hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi cọ, xô xát. Cũng trong năm 2019 anh C đã từng làm đơn xin ly hôn chị T tuy nhiên tại thời điểm làm đơn chị T đang đi làm ăn ở Đài Loan nên không giải quyết được. Vợ chồng chị T, anh C đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh C, HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh C, chị T có 02 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 16/9/2011 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 15/02/2018. Hiện cháu Q đang ở cùng anh C và ông bà nội, còn cháu T1 đang ở với chị T. Xét thấy chị T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Duy T1, đồng thời cháu Nguyễn Duy Q cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh C nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy T1 và giao cho anh C nuôi cháu Nguyễn Duy Q là phù hợp.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị T, anh C không có đề nghị giải quyết về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy Q sinh ngày 16/9/2011 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Nguyễn Duy T1 sinh ngày 15/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác hay chị T và anh C có thỏa thuận khác. Chị T và anh C đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không bị cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí. Chị T phải chịu 300.000đ án phí LHST sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004192 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng